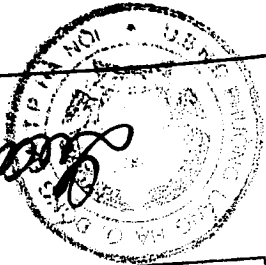


PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẢNH QUANG



[Handwritten signature]



SỐ CHỨNG THỰC: 022698
QUYÊN SỐ: 4
16-09-2015

CHỨNG THỰC BẢO CẢM ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH
cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
BẢO CẢM TẠI CHỖ NHẬP

BẢN SAO

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	6 - 48
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thăng Long - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Thăng Long - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên thực hiện chuyển đổi hình thức sở hữu sang Công ty Cổ phần thông qua việc cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 23/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105020 ngày 28 tháng 5 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 06 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ hiện nay của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là **419.080.000.000** đồng.

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 72, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 48).

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Vũ Hồng Phương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Phạm Quang Dũng	Phó chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Khương Thế Duy	Phó chủ tịch	
Ông Vũ Hồng Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Mai Trọng Thịnh	Ủy viên	
Ông Lê Đăng Khoa	Ủy viên	

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Kiên	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Vũ Hồng Phương	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Lê Ngọc Ban	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Tuýnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Lê Khang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn An	Kế toán trưởng	

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

Số : 309./2015/BCSX-AASCN

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
về Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán
từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015
của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP được lập ngày 15 tháng 8 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 48 kèm theo.

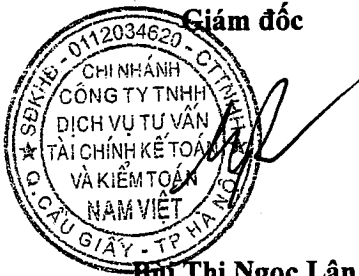
Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty Thăng Long - CTCP và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính, công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

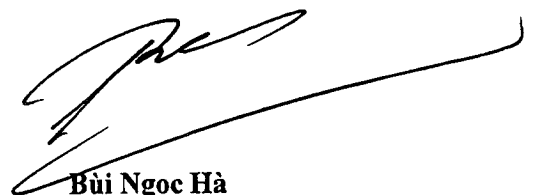
Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Kiểm toán viên



Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

5

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.798.546.178.168	1.570.376.274.570
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		249.260.767.641	61.283.692.488
1.	Tiền	111	V.01	191.930.986.638	61.283.692.488
2.	Các khoản tương đương tiền	112		57.329.781.003	-
II.	Đầu tư tài chính	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.202.504.136.288	1.174.654.656.601
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	1.091.545.598.998	1.086.398.880.617
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		57.318.660.057	37.582.423.293
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	101.282.754.089	98.316.229.547
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(47.642.876.856)	(47.642.876.856)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.06	314.553.342.522	292.597.181.569
1.	Hàng tồn kho	141		314.553.342.522	292.597.181.569
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		32.227.931.717	41.840.743.912
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	16.070.291.768	8.458.959.559
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.943.359.183	33.158.927.745
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	9.214.280.766	222.856.608
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		309.314.155.732	230.004.605.215
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	1.000.000.000
II.	Tài sản cố định	220		70.802.507.571	70.532.607.165
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	58.821.507.571	58.551.607.165
	- Nguyên giá	222		286.548.212.908	282.074.721.343
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(227.726.705.337)	(223.523.114.178)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	11.981.000.000	11.981.000.000
	- Nguyên giá	228		11.981.000.000	11.981.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	9.222.108.478	8.950.516.331
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.222.108.478	8.950.516.331
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	208.041.262.286	125.165.421.065
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		202.139.963.697	119.264.122.476
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		12.716.298.589	12.716.298.589
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(6.815.000.000)	(6.815.000.000)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		21.248.277.397	24.356.060.654
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	21.248.277.397	24.356.060.654
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5.	Lợi thế thương mại	269		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.107.860.333.900	1.800.380.879.785

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.590.370.688.062	1.434.698.970.156
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.506.920.567.193	1.411.421.096.167
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	446.015.462.687	415.298.355.203
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		516.098.873.026	431.462.450.291
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	45.869.109.638	60.423.138.034
4.	Phải trả người lao động	314		46.406.847.561	46.630.746.352
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	10.758.041.233	9.790.061.735
6.	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		95.454.545	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	123.424.755.129	103.543.463.238
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	315.316.618.414	343.826.153.801
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.935.404.960	446.727.513
13.	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		83.450.120.869	23.277.873.989
1.	Phải trả người bán dài hạn	331	V.12	5.906.533.574	5.906.533.574
2.	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.14	-	-
4.	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5.	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	-	6.020.449.965
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.11	77.543.587.295	11.350.890.450
9.	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10.	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12.	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13.	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	844.537.401.450
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		844.537.401.450
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	777.243.874.844
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		67.293.526.606
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	32.468.201.252
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	18.358.530.576
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		18.358.530.576
8.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6.141.495.196
9.	Chi phí bán hàng	25		-
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	51.736.036.950
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		35.808.655.528
12.	Thu nhập khác	31	VI.06	2.812.406.557
13.	Chi phí khác	32	VI.07	2.451.664.465
14.	Lợi nhuận khác	40		360.742.092
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.169.397.620
16.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	3.069.000.662
17.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
18.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		33.100.396.958
19.	Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		32.430.632.897
20.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		669.764.061
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	969
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	969

Người lập biểu



Nguyễn Quang Thanh

Kế toán trưởng



Lê Văn An

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Kiên

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.054.289.014.227
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(893.100.574.837)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(88.743.677.852)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(17.074.504.143)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(10.168.085.536)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		129.598.624.331
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(107.843.172.776)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		66.957.623.414
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(7.754.651.358)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		863.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(86.331.000.000)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		19.229.485.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.531.270.256
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(60.461.259.738)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 bao gồm:

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Cấu trúc doanh nghiệp****04.1 Thông tin về Công ty con**

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2015
Công ty Cổ phần Cầu 1 Thăng Long	Số 89, ngõ 1141, đường Giải Phóng, phường Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội	83,00%
Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long	Thôn Cổ Điện, xã Hải Bối, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội	51,13%

04.2 Thông tin về Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2015
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	20,80%
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.	32,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 17 Thăng Long	127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	28,89%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	30,31%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	127B, Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.	36,00%
Công ty Cổ phần Thí nghiệm và Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	36,45%
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vận tải Thăng Long	Số 3, đường Cù Lan Chính, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.	29,98%
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên Công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2015
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	46,00%
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành Phố Hà Nội	34,36%
Công ty TNHH Kết cấu thép Mitsui – Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội.	45,55%
Công ty TNHH Bê tông Mê công Thăng Long	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%
Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	(*)

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Công ty TNHH BOT Cầu Yên Lệnh đang triển khai 2 hợp đồng liên danh cụ thể như sau:

Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án Cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long - CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 23.313.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 49%.

Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 - CTCP, số vốn đầu tư của Tổng Công ty vào dự án là 86.331.000.000 đồng với tỷ lệ vốn góp là 69,07%.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư này áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Do có một số thay đổi theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC so với Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC và một số thay đổi theo quy định tại Thông tư 202/2014/TT-BTC so với Thông tư số 161/2007/TT-BTC nhưng không yêu cầu điều chỉnh hồi tố nên một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 không so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2014. Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất có thể so sánh được trừ chỉ tiêu là “Phải trả người bán ngắn hạn”. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất không có thông tin so sánh do năm 2015 là năm tài chính đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 đến 30 tháng 6 kể từ khi Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: căn cứ vào khoản lỗ dựa trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng.

04. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Tổng Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong là các khoản giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

17. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất**a. Phương pháp ghi nhận lợi ích cổ đông không kiểm soát:**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con.

b. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ:**Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho:**

Doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ Tổng Công ty phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho cuối kỳ phải được loại trừ khỏi giá trị hàng tồn kho cuối kỳ, đồng thời lãi hoặc lỗ chưa thực hiện trong giá trị hàng tồn kho đầu kỳ cũng phải được loại trừ khỏi giá vốn hàng bán trong kỳ.

Nếu đến cuối kỳ kế toán bên mua hàng vẫn chưa trả hết tiền thì khoản mục phải thu của khách hàng và khoản mục phải trả cho người bán trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cũng phải loại trừ số tiền còn nợ giữa các đơn vị trong Tổng Công ty.

Loại trừ cổ tức công ty mẹ được chia từ lợi nhuận sau ngày mua của công ty con:

Toàn bộ cổ tức được chia từ lợi nhuận sau ngày mua từ các công ty con trong Tổng Công ty phải được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Nếu công ty mẹ chưa nhận được số cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này do công ty con chưa chuyển tiền thì khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất phải loại trừ số phải thu, phải trả về số cổ tức lợi nhuận được chia đang phản ánh trong khoản mục phải thu khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và khoản mục phải trả khác trong Báo cáo tài chính riêng của công ty con chia lợi nhuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	12.270.241.571	6.152.130.841
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	179.660.745.067	55.131.561.647
- Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	191.930.986.638	61.283.692.488

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***02. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết (*)	202.139.963.697	-	202.139.963.697	119.264.122.476	-	119.264.122.476
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	14.181.794.600	-	14.181.794.600	14.868.051.025	-	14.868.051.025
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long ^(a)	-	-	-	3.689.127.473	-	3.689.127.473
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	1.784.731.073	-	1.784.731.073	1.817.770.450	-	1.817.770.450
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	5.907.851.825	-	5.907.851.825	5.601.879.003	-	5.601.879.003
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	1.641.536.434	-	1.641.536.434	1.639.225.655	-	1.639.225.655
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	4.427.709.952	-	4.427.709.952	4.326.624.828	-	4.326.624.828
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	3.667.504.740	-	3.667.504.740	3.667.504.740	-	3.667.504.740
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	13.638.385.322	-	13.638.385.322	13.542.598.867	-	13.542.598.867
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	1.482.261.156	-	1.482.261.156	1.866.805.000	-	1.866.805.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	3.071.595.290	-	3.071.595.290	3.086.668.454	-	3.086.668.454

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long ^(b)	-	-	-	6.517.254.388	-	6.517.254.388
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Thăng Long	979.237.681	-	979.237.681	979.156.710	-	979.156.710
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh ^(c)	109.137.868.456	-	109.137.868.456	15.717.220.938	-	15.717.220.938
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	-	-	-	-	-	-
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long	29.720.496.683	-	29.720.496.683	29.884.874.065	-	29.884.874.065
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	12.498.990.485	-	12.498.990.485	11.659.360.880	-	11.659.360.880
- Công ty Cổ phần dịch vụ và xây dựng Thăng Long	-	-	-	400.000.000	-	400.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	12.716.298.589	(6.815.000.000)	5.901.298.589	12.716.298.589	(6.815.000.000)	5.901.298.589
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	6.815.000.000	(6.815.000.000)	-	6.815.000.000	(6.815.000.000)	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	5.601.298.589	-	5.601.298.589	5.601.298.589	-	5.601.298.589
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	300.000.000	-	300.000.000	300.000.000	-	300.000.000
Cộng	214.856.262.286	(6.815.000.000)	208.041.262.286	131.980.421.065	(6.815.000.000)	125.165.421.065

(*) Khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết đã được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các Công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Số 49 Lãng Yên, phường Thanh Lương, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội	20,80%	20,80%	Sản xuất sản phẩm công nghiệp, kinh doanh phụ tùng, xây dựng
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng, kinh doanh vận tải, kinh doanh bất động sản...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Đường Nguyễn Huệ, phường Nam Bình, thành phố Ninh Bình	32,00%	32,00%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	127B Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	28,89%	28,89%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Cổ Nhuế, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	30,31%	30,31%	Kinh doanh thương mại, dịch vụ, du lịch, xây dựng công trình...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	127B Đinh Tiên Hoàng, phường 3, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	36,00%	36,00%	Bán buôn VLXD, MMTB, XD công nghiệp, dân dụng
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Tân Xuân, Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội	49,00%	49,00%	Thí nghiệm vật liệu, xây dựng các công trình ...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 Thăng Long	Số 26 đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,00%	36,00%	Sản xuất xi măng, vôi, thạch cao, Xây dựng công trình bán buôn vật liệu, cho thuê máy móc.....
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, thôn Tân Xuân, xã Xuân Đình, Từ Liêm, thành phố Hà Nội	36,45%	36,45%	Kinh doanh bất động sản, dịch vụ thương mại, xây dựng....
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	Số 3 đường Cù Chính Lan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	29,98%	29,98%	Xây dựng công trình, sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng...
- Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây dựng Thăng Long	Số 289 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	34,36%	34,36%	Hoạt động kiến trúc và tư vấn xây dựng, xây dựng các công trình...

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Xây dựng số 12 Thăng Long	Số 134 đường Phạm Văn Đồng, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	46%	46%	Cho thuê máy móc thiết bị, xây dựng, sửa chữa cơ khí, chế tạo lắp đặt kết cấu thép, kết cấu bê tông đúc sẵn, xây dựng các công trình dân dụng...
- Công ty Liên doanh Mít sui Thăng Long	Thôn Xâm Dương, xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội	45,55%	45,55%	Sản xuất các cấu kiện kim loại, lắp ráp kết cấu thép
- Công ty TNHH Bê tông Mê công Thăng Long	Xã Xuân Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.	49,00%	49,00%	Sản xuất và kinh doanh bê tông trộn sẵn
- Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	Đường Chu Mạnh Trinh, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên			Xây dựng công trình, hỗ trợ kinh doanh chuyển giao cầu đường bộ.
+ Theo hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao áp dụng cho đầu tư trong nước về dự án Cầu Yên Lệnh – Quốc lộ 38 địa điểm tỉnh Hưng Yên và Hà Nam giữa Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Tổng Công ty xây dựng Thăng Long và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 ngày 11 tháng 8 năm 2002		49,00%	49,00%	
+ Theo quyết định số 3926/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2014 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Quốc lộ 38 đoạn từ cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT giữa Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 4 – CTCP		69,07%	69,07%	

Lí do thay đổi đối với từng khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

- (a) Theo Quyết định số 02/QĐ-HĐQT ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0001/2015/HĐCNCP/TLG-ĐT ngày 21 tháng 01 năm 2015 về việc thoái vốn toàn bộ phần vốn của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long số lượng là 262.950 cổ phần, với giá bán 13.500 đồng/cổ phần.
- (b) Theo Quyết định số 47/QĐ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0002/2015/HĐCNCP/TLG-ĐT ngày 30 tháng 3 năm 2015 về việc thoái vốn toàn bộ phần vốn của Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long số lượng là 555.624 cổ phần, với giá bán 27.500 đồng/cổ phần.
- (c) Theo Quyết định số 64/QĐ-HĐQT ngày 14 tháng 4 năm 2015 của Tổng Công ty Thăng Long – CTCP về việc góp vốn vào Công ty TNHH BOT Yên Lệnh để tham dự dự án đầu tư xây dựng QL 38 đoạn cầu Yên Lệnh đến nút giao Vực Vòng theo hình thức hợp đồng BOT số tiền là 86.331.000.000 đồng

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ		
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	588.784.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	80.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	428.682.000
Công ty Liên doanh Mit sui Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	1.698.435.124
Công ty TNHH BOT Yên Lệnh	Công ty liên doanh, liên kết	4.972.000.000
Doanh thu dịch vụ, cung cấp vật tư		
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	3.637.096.490
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	118.481.846
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	105.947.682
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	2.261.364.980
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	239.748.090
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	108.725.861
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	95.609.428
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	523.722.986
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	101.858.741
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	3.509.653.156
Chi phí dịch vụ, mua hàng vật tư trong kỳ		
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	42.219.748.255
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	41.160.669
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	325.602.760
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	20.206.019.396
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	10.890.116.364
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	31.992.435.053
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	31.236.091.816
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	7.208.071.818
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	15.565.878.644
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	44.922.308.242
Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	30.487.431.416
Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	820.609.199
Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	
Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	730.771.642
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tải Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	10.827.631.211
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	45.885.868.200

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Đầu tư vào đơn vị khác:**

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Cầu 5 Thăng Long	309 Nguyễn Văn Cừ - Long Biên - Hà Nội	11,85%	11,85%	Giáo dục nghề nghiệp, xuất nhập khẩu, xây dựng.
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Đường Phạm Văn Đồng, Xuân Đình, từ Liêm, Hà Nội	5%	5%	Bán buôn nhiên liệu, hoàn thiện công trình xây dựng...
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Thôn Cổ Diễn, Xã Hải Bối, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội	16,89%	16,89%	Xây dựng công trình chế tạo kết cấu thép...

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1.091.545.598.998	1.086.398.880.617
- Trung tâm Tư vấn Quản lý và Giám sát Dự án các CTGT	10.610.165.200	11.590.165.200
- Công ty cổ phần xây dựng số 10 Thăng Long	48.433.260.592	57.153.775.363
- Công ty cổ phần xây dựng số 12 Thăng Long	83.451.613.486	81.777.090.207
- Công ty cổ phần xây dựng số 15 Thăng Long	48.870.402.044	35.832.430.120
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	900.180.157.676	900.045.419.727
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.091.545.598.998	1.086.398.880.617

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan			
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	2.169.269.002	4.057.696.052
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	83.451.613.486	81.777.090.207
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	9.699.392.385	10.028.968.982
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng số 10 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	73.842.520	-
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	32.718.036.743	36.028.872.272
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	2.304.462.038	4.594.642.976
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	48.870.402.044	35.832.430.120
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	31.250.853.506	32.811.316.565
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	32.736.150.520	40.675.746.424
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	26.107.534.917	20.891.242.514
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	47.387.716.518	56.942.899.731

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	8.532.160.973	8.252.160.973
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	2.354.391.111	4.280.047.077
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	47.081.076.233	46.637.340.401
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	10.327.264.893	11.021.497.952
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	28.180.296.876	14.512.020.201
- Công ty TNHH Bê tông Mê Kông Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	-	1.134.363.600
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	16.871.059.991	23.150.181.132
Cộng		469.117.031.802	473.119.351.318

04. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	101.282.754.089	-	98.316.229.547	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	17.490.312.375	-	16.690.368.815	-
- Phải thu của người lao động	-	-	18.000.000	-
- Tạm ứng	40.423.175.327	-	27.228.557.004	-
- Ký cược, ký quỹ	1.501.760.434	-	11.321.780.076	-
- Phải thu khác	41.867.505.953	-	43.057.523.652	-
+ Ban điều hành gói 9 đường vào cảng Cái Lân	2.259.849.387	-	2.259.849.387	-
+ Ban điều hành đường dẫn Vĩnh Long	2.895.623.923	-	2.895.623.923	-
+ Ban điều hành Bắc Ninh - Nội Bài	1.056.949.196	-	1.056.949.196	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu xây lắp số 4 - cao tốc Quảng Ngãi - Đà Nẵng	1.257.400.242	-	920.721.221	-
+ Ban điều hành dự án Liên danh gói thầu 3A cầu Kỳ Lam	2.403.046.461	-	1.088.259.566	-
+ Ban quản lý dự án 6 gói thầu cầu Thẩm	-	-	6.445.180.000	-
+ Phải thu tiền cho công nhân viên vay	768.205.000	-	845.905.000	-
+ Công ty TNHH BOT cầu Yên Lệnh	8.101.092.300	-	6.247.722.957	-
+ Tạm ứng cho các đội thi công	14.288.305.499	-	-	-
+ Các khoản phải thu khác	8.837.033.945	-	21.297.312.402	-
b) Dài hạn	-	-	1.000.000.000	-
+ Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	1.000.000.000	-
Cộng	101.282.754.089	-	99.316.229.547	-

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty CPXD số 2 Thăng Long	26.107.534.917	20.717.534.917	20.891.242.514	15.501.242.514
Công ty CPXD số 8 Thăng Long	47.081.076.233	30.623.076.233	46.637.340.401	30.179.340.401
Công ty CPXD số 12 Thăng Long	83.451.613.486	57.910.713.486	81.777.090.207	56.236.190.207
Các đối tượng khác	733.186.613	479.209.757	733.186.613	479.209.757
Cộng	157.373.411.249	109.730.534.393	150.038.859.735	102.395.982.735

06. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.957.437.631	-	12.545.108.357	-
Công cụ, dụng cụ	886.496.058	-	784.642.856	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	306.709.408.833	-	279.267.430.356	-
Cộng	314.553.342.522	-	292.597.181.569	-

07. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9.222.108.478	8.950.516.331
- Tòa tháp Thăng Long Phạm Văn Đồng	1.850.707.012	1.850.707.012
- Khu công nghiệp Đông Anh	-	31.874.512
- Nhà văn phòng tại đường Phạm Văn Đồng	3.583.604.365	3.396.323.832
- Công trình nhà điều hành	1.227.323.336	723.579.819
- Công trình xưởng chế tạo kết cấu thép và thiết bị cơ khí Huế	435.896.864	460.477.250
- Công trình xưởng Lào Cai	1.821.901.503	1.811.633.503
- Khác	302.675.398	675.920.403
Cộng	9.222.108.478	8.950.516.331

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>57.479.538.190</i>	<i>190.971.730.826</i>	<i>26.731.877.125</i>	<i>3.952.573.920</i>	<i>2.939.001.282</i>	<i>282.074.721.343</i>
- Mua trong kỳ	-	1.435.438.199	6.800.146.182	126.818.181	-	8.362.402.562
- Phân loại lại	-	(1.047.061.053)	979.040.384	51.657.033	16.363.636	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.849.483.142)	(39.427.855)	-	(3.888.910.997)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>57.479.538.190</i>	<i>191.360.107.972</i>	<i>30.661.580.549</i>	<i>4.091.621.279</i>	<i>2.955.364.918</i>	<i>286.548.212.908</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>39.394.893.043</i>	<i>157.390.841.850</i>	<i>21.114.173.660</i>	<i>2.684.204.342</i>	<i>2.939.001.282</i>	<i>223.523.114.178</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.499.924.475	4.648.595.768	1.123.714.974	313.454.982	-	7.585.690.199
- Phân loại lại	-	(1.048.679.609)	981.084.529	51.231.444	16.363.636	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3.342.671.185)	(39.427.855)	-	(3.382.099.040)
<i>Số dư cuối kỳ</i>	<i>40.894.817.518</i>	<i>160.990.758.009</i>	<i>19.876.301.978</i>	<i>3.009.462.913</i>	<i>2.955.364.918</i>	<i>227.726.705.337</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>18.084.645.147</i>	<i>33.580.888.976</i>	<i>5.617.703.465</i>	<i>1.268.369.578</i>	-	<i>58.551.607.165</i>
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	<i>16.584.720.672</i>	<i>30.369.349.963</i>	<i>10.785.278.571</i>	<i>1.082.158.366</i>	-	<i>58.821.507.571</i>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 69.692.678.051 đồng.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
I. Nguyên giá		
Số dư đầu năm	11.981.000.000	11.981.000.000
- Mua trong kỳ	-	-
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	11.981.000.000	11.981.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Tăng khác	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
- Giảm khác	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
III. Giá trị còn lại		
1. Tại ngày đầu năm	11.981.000.000	11.981.000.000
2. Tại ngày cuối kỳ	11.981.000.000	11.981.000.000

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	16.070.291.768	8.458.959.559
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	16.070.291.768	8.458.959.559
b) Dài hạn	21.248.277.397	24.356.060.654
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	16.671.457.432	19.696.843.189
- Giá trị lợi thế kinh doanh xác định khi cổ phần hoá	-	108.502.638
- Chi phí san lấp mặt bằng	4.576.819.966	4.550.714.827
Cộng	37.318.569.165	32.815.020.213

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	343.826.153.801	343.826.153.801	312.184.558.367	340.694.093.754	315.316.618.414	315.316.618.414
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>343.351.416.562</i>	<i>343.351.416.562</i>	<i>309.990.558.367</i>	<i>340.694.093.754</i>	<i>312.647.881.175</i>	<i>312.647.881.175</i>
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ^(a)	46.619.408.757	46.619.408.757	46.565.280.432	46.646.908.757	46.537.780.432	46.537.780.432
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, CN Hà Nội ^(b)	162.394.534.166	162.394.534.166	127.976.000.000	140.177.784.604	150.192.749.562	150.192.749.562
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – Hội sở ^(c)	54.577.084.532	54.577.084.532	58.716.026.813	72.577.084.532	40.716.026.813	40.716.026.813
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt – SGD ^(d)	-	-	772.050.000	189.950.000	582.100.000	582.100.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - CN Tây Hồ ^(e)	35.801.199.811	35.801.199.811	30.325.677.321	27.497.546.302	38.629.330.830	38.629.330.830
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Huế ^(f)	12.949.149.296	12.949.149.296	41.138.782.801	41.829.014.559	12.258.917.538	12.258.917.538
- Ngân hàng TMCP Quân đội -CN Đông Anh ^(g)	2.354.010.000	2.354.010.000	3.918.741.000	2.354.010.000	3.918.741.000	3.918.741.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT - CN Tam Trinh ^(h)	22.526.493.000	22.526.493.000	-	5.305.003.000	17.221.490.000	17.221.490.000

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Đông Anh ⁽ⁱ⁾	6.129.537.000	6.129.537.000	578.000.000	4.116.792.000	2.590.745.000	2.590.745.000
<i>Vay các đối tượng khác</i>	<i>474.737.239</i>	<i>474.737.239</i>	<i>2.718.149.737</i>	<i>524.149.737</i>	<i>2.668.737.239</i>	<i>2.668.737.239</i>
- Vay cán bộ công nhân viên ^(k)	474.737.239	474.737.239	2.718.149.737	524.149.737	2.668.737.239	2.668.737.239
b) Vay dài hạn	11.350.890.450	11.350.890.450	66.192.696.845	-	77.543.587.295	77.543.587.295
<i>Từ 01 đến 05 năm</i>	<i>11.350.890.450</i>	<i>11.350.890.450</i>	<i>66.192.696.845</i>	-	<i>77.543.587.295</i>	<i>77.543.587.295</i>
<i>Vay ngân hàng</i>	<i>11.350.890.450</i>	<i>11.350.890.450</i>	<i>66.192.696.845</i>	-	<i>77.543.587.295</i>	<i>77.543.587.295</i>
- Ngân hàng TMCP Bảo Việt – SGD ^(d)	-	-	2.105.250.000	-	2.105.250.000	2.105.250.000
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Thăng Long ^(a)	-	-	302.500.000	-	302.500.000	302.500.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Thăng Long ⁽ⁿ⁾	11.350.890.450	11.350.890.450	-	-	11.350.890.450	11.350.890.450
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á- Chi nhánh Đống Đa ^(o)	-	-	63.784.946.845	-	63.784.946.845	63.784.946.845
Cộng	355.177.044.251	355.177.044.251	378.901.404.949	341.218.243.491	392.860.205.709	392.860.205.709

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

^(a): Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

^(b): Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội – Chi nhánh Hà Nội để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (c) Khoản vay TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Hội sở theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 847816/HĐHM/VPB-TLG ngày 30/10/2014 để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.
- (d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất 8,5% - 10,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (e) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – CN Tây Hồ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/134637/HĐTD ngày 15/8/2014 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 9,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.
- (f) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Huế theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 130914-262989-01-SME ngày 18/9/2014 để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với kỳ hạn 6 – 9 tháng, lãi suất 8,5% - 9,5%/năm.
- (g) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Đông Anh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền đòi nợ từ Ban quản lý các Dự án trọng điểm phát triển đô thị Hà Nội theo Hợp đồng thi công số 16/2013/HĐ-MPMU-7H ngày 01/10/2013, lãi suất 9,7%/năm đến 10,3%/năm.
- (h) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Tam Trinh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 27 máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01HĐTC/TT-C3 ký ngày 06/5/2013 giữa Ngân hàng Nông và Phát triển Nông Thôn Việt Nam chi nhánh Tam Trinh với Công ty Cổ phần Cầu 3 và khu đất tại Phường Thới An, Quận 12, thành phố Hồ Chí Minh, lãi suất 10,5%/năm đến 11%/năm.
- (i) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Đông Anh để bổ sung vốn lưu động phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 17 máy móc thiết bị của Công ty theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1541/HĐCC ký ngày 19/02/2002 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam chi nhánh Đông Anh với Công ty Cổ phần Cầu 3, lãi suất 11%/năm.
- (k) Là các khoản vay của cán bộ công nhân viên Công ty theo quy chế huy động vốn bằng tiền – vay mượn tài sản số 202/HĐQT-C3TL ngày 07 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng quản trị thời hạn vay dưới 12 tháng, lãi suất bằng lãi suất cho vay của Ngân hàng áp dụng đối với Công ty Cổ phần Cầu 3 Thăng Long và được điều chỉnh tăng, giảm phù hợp theo từng thời kỳ nếu biến động về lãi suất cho vay của Ngân hàng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt dùng để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 48 tháng, lãi suất 8,5% - 10,3%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Thăng Long để đầu tư mua sắm tài sản cố định với kỳ hạn 36 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (n) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển – Chi nhánh Thăng Long để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp, lãi suất 9,5%/năm.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(o) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Đống Đa để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng Nguồn thu từ dự án “Xây dựng cầu Rạch Chiếc trên đường vành đai phía Đông, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh”, thời hạn 42 tháng lãi suất được thỏa thuận cụ thể trên từng kế ước nhận nợ.

12. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	446.015.462.687	446.015.462.687	415.298.355.203	415.298.355.203
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	54.764.748.029	54.764.748.029	86.077.184.079	86.077.184.079
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	43.499.696.477	43.499.696.477	34.966.555.545	34.966.555.545
- Công ty Cổ phần Điện máy hóa chất Thanh Hóa	4.652.649.299	4.652.649.299	-	-
- Công ty Cổ phần Gang thép Việt Nam	6.639.052.123	6.639.052.123	6.509.531.338	6.509.531.338
- Công ty Cổ phần bê tông Xây dựng và Thương mại Việt Trung	7.048.642.500	7.048.642.500	-	-
- Ông Trịnh Quang Hưng	10.509.137.247	10.509.137.247	4.476.133.081	4.476.133.081
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	318.901.537.012	318.901.537.012	283.268.951.160	283.268.951.160
b) Phải trả người bán dài hạn	5.906.533.574	5.906.533.574	5.906.533.574	5.906.533.574
- Công ty Cổ phần cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	5.504.733.796	5.504.733.796	5.504.733.796	5.504.733.796
- Phải trả dài hạn cho các người bán khác	401.799.778	401.799.778	401.799.778	401.799.778
Cộng	451.921.996.261	451.921.996.261	421.204.888.777	421.204.888.777

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c) Phải trả người bán là các bên liên quan					
- Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	13.360.084.515	13.360.084.515	28.852.495.748	28.852.495.748
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	18.414.363.466	18.414.363.466	18.373.202.797	18.373.202.797
- Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	308.654.426	308.654.426	308.654.426	308.654.426

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mối quan hệ	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	14.744.679.812	14.744.679.812	20.145.372.501	20.145.372.501
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	4.111.767.244	4.111.767.244	3.279.159.254	3.279.159.254
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	27.297.448.691	27.297.448.691	3.365.062.691	3.365.062.691
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	8.754.058.534	8.754.058.534	9.319.254.653	9.319.254.653
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	18.221.880.546	18.221.880.546	23.252.263.886	23.252.263.886
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	6.380.230.731	6.380.230.731	3.507.065.323	3.507.065.323
- Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	54.865.119.179	54.865.119.179	86.077.184.079	86.077.184.079
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 18 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	28.864.201.678	28.864.201.678	26.754.050.195	26.754.050.195
- Công ty Cổ phần Thí nghiệm & Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	1.558.747.081	1.558.747.081	1.408.441.970	1.408.441.970
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 8 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	5.670.221.667	5.670.221.667	5.670.221.667	5.670.221.667
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 9 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	8.404.266.937	8.404.266.937	8.294.651.189	8.294.651.189
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	3.490.069.472	3.490.069.472	2.323.767.796	2.323.767.796
- Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	43.499.696.477	43.499.696.477	34.966.555.545	34.966.555.545
Cộng		321.007.874.001	321.007.874.001	322.046.031.696	322.046.031.696

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu vào	-	23.942.000.371	7.119.936.537	19.211.530.467	8.661.482.911	21.851.843.280
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.867.712.999	3.069.000.662	10.168.085.536	-	4.768.628.125
- Thuế thu nhập cá nhân	134.180.268	337.282.387	371.433.280	556.910.077	172.631.564	190.256.886
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	88.676.340	5.535.154.097	3.018.210.812	7.573.096.846	154.836.000	1.046.427.723
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	729.034.556	4.000.000	958.364.847	225.330.291	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	18.011.953.624	3.000.000	3.000.000	-	18.011.953.624
Cộng	222.856.608	60.423.138.034	13.585.581.291	38.470.987.773	9.214.280.766	45.869.109.638

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCPSố 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	10.758.041.233	9.790.061.735
- Trích trước chi phí lãi vay phải trả ODA	8.060.173.586	8.006.532.004
- Trích trước chi phí lãi vay	1.309.972.250	1.235.529.194
- Chi phí cho các công trình	1.381.506.804	390.694.087
- Các khoản trích trước khác	6.388.593	157.306.450
b) Dài hạn	-	-
Cộng	10.758.041.233	9.790.061.735

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	123.424.755.129	103.543.463.238
- Kinh phí công đoàn	1.617.161.102	2.100.098.597
- Bảo hiểm xã hội	10.068.871.746	9.068.761.522
- Bảo hiểm y tế	269.977.229	123.428.290
- Bảo hiểm thất nghiệp	114.536.006	54.068.086
- Phải trả về cổ phần hóa	7.113.688.606	7.113.688.606
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	21.623.756.700	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	82.616.763.740	74.211.131.597
+ Công ty Xây dựng số 8 Thăng Long	392.443.296	1.004.314.900
+ Đội thi công cầu	-	6.657.270.362
+ Dự án cải tạo cầu Đường Sắt - Gói CP1D	-	1.000.000.000
+ Dự án Đường 188 Hải Dương	18.814.266.545	2.307.968.489
+ Ban điều hành gói 6 Cầu Phù Đổng	2.153.432.007	1.314.402.958
+ Ban điều hành gói PK1A dự án đường cao tốc HN-TN	-	1.148.050.539
+ Thu tiền bán vé cầu Yên Lệnh	2.530.826.000	15.517.434.000
+ Ban điều hành liên danh gói thầu PK2	-	1.465.791.250
+ Ông Cao Xuân Nam - Đội trưởng 301	-	892.997.401
+ Ông Đặng Văn Hoan - Đội 309	-	3.201.611.244
+ Ông Nguyễn Hữu Phúc	823.015.491	1.359.491.628
+ Ông Phạm Trọng Thanh	714.720.058	1.198.568.622
+ Xi nghiệp xây dựng số 2	-	1.728.408.824
+ Xi nghiệp thi công cơ giới	10.541.449.860	14.047.877.673
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội	15.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	31.646.610.483	43.795.899.099
b) Dài hạn	-	6.020.449.965
Cộng	123.424.755.129	109.563.913.203

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước từ thặng dư vốn cổ phần	300.000.000.000	27.916.576.545	-	-	-	327.916.576.545
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	25.863.335.759	11.894.747.125	37.758.082.884
Tăng khác	-	-	64.287.269	(57.037.069)	-	7.250.200
Phân phối lợi nhuận trong năm trước tại Công ty con	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	300.000.000.000	27.916.576.545	64.287.269	25.806.298.690	11.894.747.125	365.681.909.629
Số dư đầu năm nay						
Tăng vốn trong kỳ này	119.080.000.000	24.709.100.000	-	-	-	143.789.100.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	32.430.632.897	669.764.061	33.100.396.958
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận trong kỳ này tại Công ty mẹ	-	-	10.340.893.154	(34.340.893.154)	-	(24.000.000.000)
Phân phối lợi nhuận tại Công ty con	-	-	421.467.489	(917.922.495)	(585.305.743)	(1.081.760.749)
Số dư cuối kỳ này	419.080.000.000	52.625.676.545	10.826.647.912	22.978.115.938	11.979.205.443	517.489.645.838

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ (%)	Số tiền	Tỷ lệ (%)
Vốn góp của Nhà nước	105.000.000.000	25,05	105.000.000.000	35,00
Vốn góp của các cổ đông khác:	314.080.000.000	74,95	195.000.000.000	65,00
- Công ty Cổ phần Tasco	148.389.490.000	35,41	38.389.490.000	12,80
- Các cổ đông khác	165.690.510.000	39,54	156.610.510.000	52,20
Cộng	419.080.000.000	100	300.000.000.000	100

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu kỳ	300.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	119.080.000.000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-
+ Vốn góp cuối kỳ	419.080.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	21.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	21.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận kỳ này	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.908.000	30.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41.908.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	41.908.000	30.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.908.000	30.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

Ngày 22 tháng 6 năm 2015, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức năm 2014 bằng tiền tỷ lệ 7% theo danh sách cổ đông chốt tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- USD	294.796,74	20.367,39
- EUR	-	935,14
- JPY	-	81.850,00

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT***Đơn vị tính: VND***01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Doanh thu bán hàng	12.925.752.776
- Doanh thu bán thành phẩm	4.055.419.228
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.009.516.992
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	826.546.712.454
Cộng	844.537.401.450

Doanh thu đối với bên liên quan

Đối tượng	Mối quan hệ	Số tiền
Công ty Cổ phần Cầu 11 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	3.637.096.490
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	118.481.846
Công ty Cổ phần Xây dựng số 4 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	105.947.682
Công ty Cổ phần Xây dựng số 15 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	2.261.364.980
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	239.748.090
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	108.725.861
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	95.609.428
Công ty Cổ phần Cơ khí 4 và Xây dựng Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	523.722.986
Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tài Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	101.858.741
Công ty Cổ phần Cầu 7 Thăng Long	Công ty liên doanh, liên kết	3.509.653.156
Cộng		10.702.209.260

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	8.639.982.872
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.886.900.850
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	269.081.215
- Giá vốn hợp đồng xây dựng	764.447.909.907
Cộng	777.243.874.844

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.383.147.111
- Lãi thanh lý các khoản đầu tư	9.632.831.025
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	13.936.939.890
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	506.833.207
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	8.450.019
Cộng	32.468.201.252

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền vay	18.358.530.576
Cộng	18.358.530.576

05. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí nhân viên quản lý	19.211.699.323
- Chi phí vật liệu quản lý	505.392.802
- Chi phí đồ dùng văn phòng	227.647.311
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.760.468.934
- Thuế, phí, lệ phí	6.126.832.696
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	842.788.687
- Chi phí bằng tiền khác	8.815.849.713
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.245.357.484
Cộng	51.736.036.950

06. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	356.824.407
- Tiền cho thuê kho bãi	691.240.000
- Tiền cho thuê địa điểm đặt cây ATM	25.360.770
- Tiền cho thuê xe xà lan và xe kéo	636.501.819
- Thu nhập khác	1.102.479.561
Cộng	2.812.406.557

07. Chi phí khác

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Kinh phí xây dựng Công viên tưởng niệm liệt sĩ bảo vệ cầu Rạch Chiếc	2.000.000.000
- Các khoản bị phạt	62.330.862
- Các khoản khác	389.333.603
Cộng	2.451.664.465

08. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	3.069.000.662
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.069.000.662

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	32.430.632.897
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.430.632.897
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	33.463.107
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	969

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông của công ty mẹ	32.430.632.897
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	32.430.632.897
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	33.463.107
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	969

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.368.623.647
- Chi phí nhân công	90.311.847.826
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.585.690.199
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	98.094.087.632
- Chi phí khác bằng tiền	37.023.045.868
- Chi phí thuê phụ	646.856.413.173
Cộng	1.142.939.904.957

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Không có thông tin.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2015
	đến 30/6/2015
Tiền lương	<u>3.251.180.051</u>
Cộng	<u>3.251.180.051</u>

03. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

04. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

Lĩnh vực kinh doanh:

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Xây dựng: Xây dựng các công trình đường sắt, đường bộ...
- Sản xuất: Sản xuất bê tông
- Thương mại: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Dịch vụ: Dịch vụ cho thuê máy móc, thiết bị...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Xây dựng	Sản xuất	Thương mại	Dịch vụ	Cộng
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	826.546.712.454	4.055.419.228	12.925.752.776	1.009.516.992	844.537.401.450
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	795.262.077.092	4.038.089.360	9.121.862.844	306.716.626	808.728.745.922
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	31.284.635.362	17.329.868	3.803.889.932	702.800.366	35.808.655.528
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	15.127.337.707	76.771.022	244.690.672	19.110.639	15.467.910.040
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.799.804.060	72.643.284	231.534.417	18.083.120	14.122.064.881
Số dư tại ngày 30/6/2015					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.621.931.072.676	6.453.083.830	20.567.778.949	1.606.368.518	1.650.558.303.973
- Tài sản không phân bổ					457.302.029.927
Tổng tài sản	1.621.931.072.676	6.453.083.830	20.567.778.949	1.606.368.518	2.107.860.333.900
- Nợ phải trả bộ phận	1.553.619.072.677	7.622.771.424	24.295.899.722	1.897.539.279	1.587.435.283.102
- Nợ phải trả không phân bổ					2.935.404.960
Tổng nợ phải trả	1.553.619.072.677	7.622.771.424	24.295.899.722	1.897.539.279	1.590.370.688.062

Khu vực địa lý: Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	249.260.767.641	-	61.283.692.488	-	249.260.767.641	61.283.692.488
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.150.903.417.326	(47.642.876.856)	1.146.164.773.084	(47.642.876.856)	1.103.260.540.470	1.098.521.896.228
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	12.716.298.589	(6.815.000.000)	12.716.298.589	(6.815.000.000)	5.901.298.589	5.901.298.589
Cộng	1.412.880.483.556	(54.457.876.856)	1.220.164.764.161	(54.457.876.856)	1.358.422.606.700	1.165.706.887.305

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	446.015.462.687	421.204.888.777	446.015.462.687	421.204.888.777
Vay và nợ	392.860.205.709	355.177.044.251	392.860.205.709	355.177.044.251
Chi phí phải trả	10.758.041.233	9.790.061.735	10.758.041.233	9.790.061.735
Các khoản phải trả khác	111.354.209.046	80.231.581.562	111.354.209.046	80.231.581.562
Cộng	960.987.918.675	866.403.576.325	960.987.918.675	866.403.576.325

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP

Số 72 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

06. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tổng Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tổng Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

07. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tổng Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	446.015.462.687	-	-	446.015.462.687
Vay và nợ	315.316.618.414	77.543.587.295	-	392.860.205.709
Chi phí phải trả	10.758.041.233	-	-	10.758.041.233
Các khoản phải trả khác	111.354.209.046	-	-	111.354.209.046
Cộng	883.444.331.380	77.543.587.295	-	960.987.918.675
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	421.204.888.777	-	-	421.204.888.777
Vay và nợ	343.826.153.801	11.350.890.450	-	355.177.044.251
Chi phí phải trả	9.790.061.735	-	-	9.790.061.735
Các khoản phải trả khác	74.211.131.597	6.020.449.965	-	80.231.581.562
Cộng	849.032.235.910	17.371.340.415	-	866.403.576.325

08. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

BẢN SAO

TỔNG CÔNG TY THĂNG LONG - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 28 tháng 5 năm 2014

và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
CHỨNG THỰC BẢN SAO HỢP NHẤT VỚI BẢN CHÍNH
đã được kiểm toán
16-09-2015 *Thanh*
SỐ CHỨNG THỰC 2696 QUYỀN SỐ: 04 SCT/BS



PHÓ CHỦ TỊCH
NGUYỄN CẢNH QUANG